



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55/2022/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 01 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án
đối với dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thuộc
các chương trình mục tiêu quốc gia**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 28 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu
quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí
thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2900/TTr-SXD ngày
11 tháng 11 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết Điểm b Khoản 4 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Nghị định số 27/2022/NĐ-CP) trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Quyết định này áp dụng đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng thiết kế mẫu hoặc thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có và thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù theo Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành danh mục loại dự án thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án trong Quyết định này gồm các chi phí sau: Chi phí lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản, Chi phí thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản, Chi phí hỗ trợ quản lý dự án, Chi phí hỗ trợ giám sát.

2. Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được quy định tại Điều 15 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

3. Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, thiết kế sẵn có là thiết kế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, quy định hoặc quyết định áp dụng hoặc sử dụng.

Điều 4. Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án

1. Chi phí lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản:

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, thiết kế sẵn có mà không cần thiết kế thêm hoặc điều chỉnh thiết kế phần nền, móng: Chi phí lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản xác định bằng chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật nhân với hệ số $K=0,18$. Trong đó, chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật được xác định theo quy định tại Khoản 2.3 Mục 2 Chương II Phần II Phụ lục VIII Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng (Thông tư số 12/2021/TT-BXD).

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, thiết kế sẵn có mà phải thiết kế thêm hoặc điều chỉnh thiết kế phần nền, móng: Chi phí lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản xác định bằng chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật nhân với hệ số $K=0,36$. Trong đó, chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật được xác định theo quy định tại Khoản 2.3 Mục 2 Chương II Phần II Phụ lục VIII Thông tư số 12/2021/TT-BXD.

c) Chi phí lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này chưa bao gồm Chi phí khảo sát địa chất công trình, Chi phí khảo sát địa hình. Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư quyết định việc khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình để phục vụ lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản. Việc lập, xác định và quản lý Chi phí khảo sát địa chất công

trình, Chi phí khảo sát địa hình được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chi phí thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản xác định theo quy định tại Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng và nhân với hệ số $K=0,36$.

3. Chi phí hỗ trợ quản lý dự án (gồm các công việc: tổ chức và thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu; lập dự thảo hợp đồng; xem xét, đánh giá lựa chọn đơn vị thi công, đàm phán và ký kết hợp đồng; chuẩn bị hồ sơ thanh quyết toán; xem xét, đánh giá, báo cáo đầu tư và một số khác công tác có liên quan) xác định bằng chi phí quản lý dự án nhân với hệ số $K=0,5$. Trong đó, chi phí quản lý dự án được xác định theo quy định tại Chương I Phần II Phụ lục VIII Thông tư số 12/2021/TT-BXD.

4. Chi phí hỗ trợ giám sát (gồm các công việc: tổ chức, quản lý thi công; giám sát thi công xây dựng; giám sát lắp đặt thiết bị; hướng dẫn, tổ chức và thực hiện công tác nghiệm thu và một số khác công tác có liên quan) xác định bằng chi phí giám sát nhân với hệ số $K=0,5$. Trong đó, chi phí giám sát được xác định theo quy định tại Mục 8 Chương II Phần II Phụ lục VIII Thông tư số 12/2021/TT-BXD.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2022.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Xây dựng;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thị xã, TP;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Đài PTTH Quảng Bình, Báo Quảng Bình;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Mạnh Hùng

